

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Lộc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đức Bản

Bà Đặng Thị Thu

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ vụ án dân sự thụ lý số: 63/2020/TLST-DS ngày 16/7/2020

XÉT THẤY:

Tại phiên toà các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Ngọc Á, sinh năm 1997; địa chỉ: Số nhà, ngõ đường Hai Bà Trưng, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hữu Ph, Luật sư Văn phòng luật sư Đồng Thông, thuộc Đoàn luật sư Đà Nẵng; địa chỉ: Số 63 đường Hoàng Văn Thụ, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Xuân L, sinh năm 1985; địa chỉ: Số đường H, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968; địa chỉ: thôn Tân Tr, xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt.

+ Anh Nguyễn Đại V, sinh năm 1992; địa chỉ: thôn Tân Tr, xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng; đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Theo văn bản uỷ quyền ngày 16/9/2023. Ông Th có mặt.

+ Bà Trần Thị H, sinh năm 1964; địa chỉ: thôn T, xã V, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Ph (đã chết); người đại diện hợp pháp của bà Ph:

Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số , Tổ dân phố, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (con bà Ph). Có mặt.

Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1964; địa chỉ: Số , Tổ dân phố, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (con bà Ph); đại diện theo uỷ quyền bà Trần Thị B (vợ ông B). Theo văn bản uỷ quyền ngày 18/9/2023. Bà B có mặt.

Ông Hoàng Văn Tr, sinh năm 1969; địa chỉ: Số , Tổ dân phố, phường Đồng Phú, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình (con bà Ph). Có mặt.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn cứ Bản án số 17/PTLH ngày 25/9/2002 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình; Bản di chúc lập ngày 18/01/2017 của ông Nguyễn Văn N, sinh ngày 10/4/1954; Văn bản thoả thuận gia đình được lập ngày 03/6/2020.

Tại phiên toà các bên đương sự đã thoả thuận không thực hiện theo Bản di chúc lập ngày 18/01/2017 của ông Nguyễn Văn N và Văn bản thoả thuận gia đình được lập ngày 03/6/2020 để giao toàn bộ di sản của ông Nguyễn Văn N cho ông Nguyễn Văn Th sử dụng, sở hữu, tổng giá trị tài sản của ông N để lại đất 322.5m², trong đó 80m² đất ở, đất trồng cây lâu năm 242.5m²; 01 nhà cấp bốn 3 gian và phòng lõi diện tích 78m²; 01 nhà cấp 4 nhiều gian diện tích 64.3m²; 01 nhà cấp 4 một gian diện tích 50.6m², các bên đã thống nhất về giá trị tài sản nhà đất là 1.200.000.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn Th được sử dụng tài sản nhà đất cụ thể như sau:

2.1. Giao cho ông Nguyễn Văn Th, được sử dụng toàn bộ di sản của ông Nguyễn Văn N để lại, tại thửa đất số 05, tờ bản đồ 52, diện tích theo Bản án số 17/PTLH ngày 25/9/2002 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình với diện tích đất 318.42m², (diện tích thực tế sử dụng 322.5m²), trong đó 80m² đất ở, đất trồng cây lâu năm 242.5m². Và sở hữu 01 nhà cấp bốn 3 gian + phòng lõi diện tích 78m², (xây dựng năm 1990), 01 nhà cấp 4 nhiều gian diện tích 64.3m² (xây dựng năm 2007), 01 nhà cấp 4 một gian diện tích 50.6m², (xây dựng năm 2008).

Diện tích đất 322.5m², có tứ cận và kích thước như sau:

- Phía Bắc giáp đường giao thông, có kích thước từ điểm 01 đến điểm 02 là 4.37m, từ điểm 02 đến điểm 03 là 12.77m.

- Phía Nam giáp đường giao thông có kích thước từ điểm 05 đến điểm 06 là 18.25m.

- Phía Đông giáp thửa đất 250 có kích thước từ điểm 03 đến điểm 04 là 16.52m, từ điểm 04 đến điểm 05 là 2.4m.

- Phía Tây giáp thửa đất số 4 có kích thước từ điểm 01 đến điểm 07 là 15.50m, từ điểm 06 đến điểm 07 là 2.22m.

Trong phần diện tích đất này có 42.8m², Nhà nước quy hoạch đường giao thông khi nào Nhà nước thực hiện theo quy hoạch thì buộc ông Thắng phải thực hiện theo quy hoạch.

(Kèm theo Quyết định này có sơ đồ đo vẽ hiện trạng thửa đất ngày 22/9/2023 do Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà ký để xác định phần đất được giao cho ông Thắng)

2.2. Ông Nguyễn Văn Th, phải trả cho bà Trần Thị H số tiền 150.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm, năm mươi triệu đồng), tiền giá trị di sản thừa kế của ông N. Hạn trả số tiền trên chậm nhất đến ngày 05/3/2024.

Kể từ ngày 06/3/2024, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Ông Nguyễn Văn Th, phải trả cho bà Nguyễn Ngọc Á số tiền 200.000.000 đồng, tiền giá trị di sản thừa kế của ông N. Đã trả tại phiên toà.

2.4. Đối với bà Hoàng Thị N, ông Hoàng Văn B, ông Hoàng Văn T từ chối không nhận phần thừa kế của mẹ là cụ Nguyễn Thị P được hưởng.

2.5. Về chi phí thẩm định:

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Á đã chi 5.500.000 đồng cho việc thẩm định giá bà Á tự chịu chi phí đó.

- Ông Nguyễn Ngọc Th đã chi 4.000.000 đồng cho việc thẩm định giá ông Th tự chịu chi phí đó.

2.6. Áp dụng 147 BLTTDS, Điều 13, khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc Á phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm 10.000.000 đồng, được trừ số tiền đã nộp 6.250.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006335 ngày 16/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới. Số tiền còn thiếu 3.750.000 đồng buộc bà Á phải nộp lại để nộp ngân sách Nhà nước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị H phải chi án phí 7.500.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Th phải chịu án phí 18.750.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành án theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- VKS TP Đồng Hới;
- Toà án tỉnh Quảng Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án.

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Văn Lộc